

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27/02/2024

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
giữa Trần Thị KN và Trần VS”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Toàn và bà Nguyễn Thị Diệp.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 149/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QDXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị KN, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Thôn N, thị trấn A, huyện B, tỉnh Thừa Thiên Huế - Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Trần VS, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Thôn M, xã TT, huyện TP, tỉnh Quảng Trị – Vắng mặt lần thứ 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 11 năm 2023 và bản trình bày ý kiến đề ngày 05 tháng 01 năm 2024 của nguyên đơn bà Trần Thị KN thì nội dung vụ án như sau:

Bà Trần Thị KN và ông Trần VS yêu nhau tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 23 tháng 02 năm 2010, tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện B, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, vợ chồng đi làm ăn xa nhà. Đến năm 2011 vợ chồng mới về sống tại Thôn M, xã TT, huyện TP, tỉnh Quảng Trị. Quá trình sống với nhau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã đánh đập nhau nhiều lần. Hai bên gia đình nội, ngoại đã can thiệp nhưng vợ chồng vẫn không thay đổi được, cuộc sống căng thẳng, không có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vào tháng 9 năm 2023, bà KN đưa các con về nhà mẹ của bà KN ở Thôn N, thị trấn A, huyện B, tỉnh Thừa Thiên Huế sinh sống từ đó cho đến nay. Nay bà KN thấy tình cảm vợ chồng không

còn, hôn nhân không đạt được mục đích nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần VS.

Về con chung: Bà KN và ông VS có 03 người con chung: cháu Trần TM, sinh ngày 07/01/2009; cháu Trần Thị TV, sinh ngày 05/9/2012 và cháu Trần TL, sinh ngày 01/4/2019. Khi ly hôn, bà KN có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 cháu TM, TV và TL, vì hiện tại các cháu đang sinh sống với bà KN và học tập ổn định tại các trường học trên địa bàn thị trấn A, huyện B, tỉnh Thừa Thiên Huế. Bà KN không yêu cầu ông VS cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định pháp luật cho ông Trần VS được biết. Tuy nhiên ông VS thường xuyên đi làm, thỉnh thoảng mới về nhà, hiện tại không có mặt ở nhà nên Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định. Qua xác minh tại địa phương thì ông VS cũng biết bà KN làm đơn xin ly hôn ông VS.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong có ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho bà KN được ly hôn ông VS; về con chung: áp dụng Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình xử: giao cho bà Trần Thị KN trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Trần TM sinh ngày 07/01/2009; cháu Trần Thị TV, sinh ngày 05/9/2012 và cháu Trần TL, sinh ngày 01/4/2019. Bà KN không yêu cầu ông VS cấp dưỡng tiền nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; bà KN chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả công bố tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 07 tháng 11 năm 2023, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp về ly hôn giữa nguyên đơn bà Trần Thị KN và bị đơn ông Trần VS theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 08/11/2023 Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn. Tuy nhiên, ông VS thường xuyên đi làm, không có mặt tại nhà, vì vậy Tòa án tiến hành lập biên bản về việc không thực hiện được việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng và tiến hành niêm yết văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Hết thời hạn thông báo ông Trần VS không gửi văn bản trình bày ý kiến về vụ án. Ngày 22/11/2023 và ngày 07/12/2023 Tòa án ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất vào ngày 07/12/2023 và

lần thứ hai vào ngày 05/01/2024, tiến hành tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Ngày 07/12/2023 và ngày 05/01/2024, Tòa án tổ chức phiên họp, kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải nhưng ông Trần VS vắng mặt nên Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được có sự chứng kiến của bà KN và ra Thông báo về kết quả phiên họp cho ông VS được biết. Ngày 12/01/2024, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HNGĐ và tổng đạt, niêm yết cho ông Trần VS và bà Trần Thị KN theo quy định. Tại phiên tòa ngày 30/01/2024 ông Trần VS vắng mặt không lý do, Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 và ấn định thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 27 tháng 02 năm 2024. Tại phiên tòa hôm nay ông Trần VS vắng mặt lần thứ hai không lý do, bà Trần Thị KN có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị KN và ông Trần VS yêu nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A, huyện B, tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn một thời gian, hai vợ chồng sinh sống và làm ăn với nhau tại nhà bố mẹ chồng tại thôn M, xã TT, huyện TP, tỉnh Quảng Trị. Theo bà KN trình bày và các liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, nguyên nhân bà KN xin ly hôn là vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, ông VS nhiều lần đánh đập bà KN. Vì vậy, bà KN muốn ly hôn ông VS để mỗi người tự lo cuộc sống của nhau. Từ tháng 9 năm 2023, bà KN đã đưa các con vào sống tại nhà mẹ đẻ của bà KN tại tỉnh Thừa Thiên Huế để sinh sống, học tập. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân với nhau. Tòa án đã tiến xác minh tình trạng hôn nhân giữa ông VS và bà KN tại địa phương. Qua xác minh cho thấy: Sau ngày cưới nhau, vợ chồng ông VS đi làm ăn xa, kể từ năm 2011 mới trở về sống sinh sống tại Thôn M, xã TT, huyện TP, tỉnh Quảng Trị. Kể từ khi về sống chung với nhau tại xã TT, huyện TP, hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Do mâu thuẫn vợ chồng nên bà KN cùng các con bỏ về nhà mẹ đẻ của bà KN ở tỉnh Thừa Thiên Huế sinh sống.

Qua xem xét đơn ly hôn của bà KN và kết quả xác minh tình trạng hôn nhân giữa ông VS và bà KN tại địa phương, Hội đồng xét xử thấy: vợ chồng ông VS và bà KN xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 9 năm 2023 cho đến nay. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn của vợ chồng ông VS và bà KN đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà KN được ly hôn ông VS.

[3] Về con chung: Có 03 người con chung: cháu Trần TM, sinh ngày 07/01/2009; cháu Trần Thị TV, sinh ngày 05/9/2012 và cháu Trần TL, sinh ngày 01/4/2019. Khi ly hôn bà KN có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 cháu TM, TV và TL, vì các cháu sống với bà KN đã lâu hiện tại đang học tập ổn định tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Tòa án cũng đã lập biên bản lấy ý kiến của các cháu TM và TV vào ngày 07/12/2023, nguyện vọng của hai cháu TM và cháu TV là muốn sống chung với mẹ để tiếp tục học tập ổn định. Hội đồng xét xử thấy rằng: các cháu

Trần TM, Trần Thị TV và cháu Trần TL được bà KN đưa vào sống chung với mẹ đẻ của bà KN tại thị trấn A, huyện B, tỉnh Thừa Thiên Huế từ tháng 9 năm 2023 cho đến nay. Các cháu đã đi học và có cuộc sống ổn định nên cần giao cháu TM, TV và TL cho bà KN trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp thực tế. Bà Trần Thị KN không yêu cầu ông Trần VS cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: bà Trần Thị KN nộp đơn ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; các điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị KN được ly hôn ông Trần VS.

2. Về con chung: Xử giao cháu Trần TM, sinh ngày 07/01/2009; cháu Trần Thị TV, sinh ngày 05/9/2012 và cháu Trần TL, sinh ngày 01/4/2019 cho bà Trần Thị KN trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Trần Thị KN không yêu cầu ông Trần VS phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí: Bà Trần Thị KN phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000031 ngày 06/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (bà KN đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- CCTHADS huyện Triệu Phong;
- UBND TT Lăng Cô;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

